

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020640	Trần Gia	An	30/06/2009			8	8	7.0	8.0			5.5		6.4
2	2454801020641	Nguyễn Thái	Bảo	29/05/2009			8	8	7.0	9.0			5.0		6.2
3	2454801020642	Chương Hải	Đăng	05/09/2009			7	9	8.0	7.0			5.3		6.2
4	2454801020643	Mo Ha Med A Ry	Fine	03/07/2009			8	8	8.0	8.0			5.8		6.7
5	2454801020644	Nguyễn Lý Phước	Hậu	01/11/2009			9	8	8.0	9.0			7.3		7.8
6	2454801020645	Hiếu Văn Huy	Hoàng	29/08/2009			8	8	7.0	8.0			4.0	7.5	7.6
7	2454801020646	Lê Hoàng	Kha	21/10/2009			7	8	7.0	8.0			6.0		6.6
8	2454801020647	Trần Minh	Kha	09/05/2009			6	9	7.0	8.0			5.0		6.0
9	2454801020648	Trần Huy	Khang	20/03/2009			8	8	7.0	8.0			5.5		6.4
10	2454801020649	Bùi Quang	Long	20/04/2009			8	8	7.0	8.0			3.5	5.0	6.1
11	2454801020650	Dương Hoàng	Long	04/08/2000			10	9	9.0	9.0			8.3		8.6
12	2454801020651	Phạm Minh	Long	04/06/2009			8	8	7.0	8.0			5.5		6.4
13	2454801020652	Nguyễn Quang	Minh	18/05/2009			9	8	8.0	9.0			9.5		9.1
14	2454801020653	Lê Nhật	Nam	11/04/2009			8	8	7.0	8.0			9.5		8.8
15	2454801020654	Nguyễn Thị Trường	Nghi	11/10/2009			8	8	7.0	9.0			8.3		8.2
16	2454801020655	Nguyễn Khôi	Nguyễn	01/09/2009			8	8	7.0	8.0			9.3		8.6
17	2454801020656	Ngô Minh	Nhật	25/03/2009			8	8	7.0	8.0			7.0		7.3
18	2454801020657	Ngô Nguyễn Tiến	Phát	18/07/2009			8	8	7.0	8.0			6.3		6.8
19	2454801020658	Lê Hoàng	Quân	11/09/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2454801020659	Lê Nguyễn Hoàng	Quân	14/02/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2454801020660	Lê Nguyễn Việt	Thái	15/04/2009			8	7	7.0	8.0			9.8		8.9
22	2454801020661	Lý Toàn	Thắng	30/04/2009			8	8	7.0	8.0			8.0		7.9
23	2454801020662	Phan Chí	Thiện	08/12/2009			7	8	7.0	8.0			6.3		6.8
24	2454801020663	Thái Bảo	Thịnh	25/08/2009			8	8	7.0	8.0			7.3		7.4
25	2454801020664	Châu Nguyễn Huy	Thông	27/09/2009			7	8	7.0	8.0			4.0	5.0	6.0
26	2454801020665	Nguyễn Viễn	Thông	15/07/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
27	2454801020666	Lưu Huỳnh Quang	Thuận	12/09/2009			8	8	7.0	8.0			5.3		6.2
28	2454801020667	Trần Trung	Tín	04/10/2009			9	8	8.0	9.0			5.0		6.4
29	2454801020668	Huỳnh Thành	Tính	07/04/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
30	2454801020669	Huỳnh Văn	Trí	06/12/2009			8	8	7.0	8.0			6.3		6.8
31	2454801020670	Nguyễn Minh	Triết	02/03/2009			7	5	0.0	0.0			0.0	0.0	0.8
32	2454801020671	Dương Quốc	Trung	18/02/2009			6	5	0.0	0.0			0.0	0.0	0.7
33	2454801020672	Nguyễn Hoàng	Tỷ	18/08/2009			8	8	8.0	7.0			9.8		8.9
34	2454801020673	Nguyễn Quang	Vinh	29/04/2009			8	8	7.0	8.0			9.5		8.8
35	2454801020674	Nguyễn Trường	Vũ	30/04/2008			8	8	5.0	8.0			0.0	5.3	6.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình